

Số/No.: 20230428/FUEKIV30-CBTT-IR

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2023
Ho Chi Minh City, April 28, 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
IRREGULAR INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/To: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/ *The State Securities Commission;*
- Sở Giao dịch Chứng Khoán TP. HCM/ *Ho Chi Minh City Stock Exchange*

- Tên Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Name of the fund management Company: KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.
 - Tên quỹ niêm yết/ *Name of listed fund: Quỹ ETF KIM Growth VN30/ KIM Growth VN30 ETF*
 - Mã chứng khoán/ *Securities code: FUEKIV30*
 - Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 1807 – 1808, Tầng 18, Tòa nhà mPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Address: Room 1807 – 1808, Floor 18, mPlaza Saigon, 39 Le Duan, Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam.
 - Điện thoại/ *Phone number: (028) 3824 2220* Fax: (028) 3824 2225
 - Email: etf@koreainvestment.com.vn Website: <https://koreainvestment.com.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố/ *Content of information disclosure:*

Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản cho Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2022 của Quỹ ETF KIM Growth VN30.
Resolution and Vote counting minutes of KIM Growth VN30 ETF's Annual General Investors' Meeting for fiscal year 2022.

- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ vào ngày 28/04/2023 tại đường dẫn: <https://koreainvestment.com.vn/vn/home/>.
This information was disclosed on Fund Management Company's portal on April 28, 2023, available at: <https://koreainvestment.com.vn/en/home/>.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

I declare hereof all information provided in this paper is true and correct; I shall be legally responsible for any misrepresentation.

Tài liệu đính kèm/Attachments:

Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản cho Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2022/ *Resolution and Vote counting minutes of Annual General Investors' Meeting for fiscal year 2022.*

TP. HCM, ngày 28 tháng 04 năm 2023
Ho Chi Minh City, April 28, 2023

Đại diện công bố thông tin

YUN HANG JIN

Chủ tịch hội đồng thành viên/Chairman of the
Members' Council



QUỸ ETF KIM GROWTH VN30
Số: 230428/NQ-ĐHNĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2022 CỦA
QUỸ ETF KIM GROWTH VN30

Căn cứ:

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- Điều lệ quỹ của Quỹ ETF KIM Growth VN30 (“Quỹ”);
- Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến Nhà Đầu Tư được lập vào lúc 17:00 ngày 27/4/2023,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ năm 2022 và chiến lược đầu tư của Quỹ năm 2023.
2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán của Quỹ.
3. Thông qua Báo cáo của Ngân hàng Giám sát năm 2022.
4. Thông qua phương án không phân phối lợi nhuận của Quỹ năm 2022.
5. Ủy quyền cho Ban đại diện Quỹ lựa chọn và quyết định tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Quỹ trong danh sách các công ty kiểm toán do Công Ty Quản Lý Quỹ đề xuất, đáp ứng các tiêu chuẩn tại Điều lệ Quỹ.
6. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ban đại diện Quỹ, Công ty TNHH quản lý quỹ KIM Việt Nam và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH
QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM



Yun Hang Jin
Chủ tịch Hội đồng thành viên

Thay mặt
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Vũ Trần Vĩnh Thụy
Chủ tịch Ban đại diện Quỹ

QUỸ ETF KIM GROWTH VN30

Được quản lý bởi

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM

Mã số doanh nghiệp: 0305683167

Giấy phép thành lập và hoạt động số 59/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 01/10/2020

Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 1807-1808, Tầng 18, Tòa nhà mPlaza Saigon, Số 39 Lê Duẩn,
Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Số điện thoại: (028) 3824 2220

Website: <https://koreainvestment.com.vn/en/home>



BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU LẤY Ý KIẾN NHÀ ĐẦU TƯ ĐẠI HỐI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2022 CỦA QUỸ ETF KIM GROWTH VN30

I. THÔNG TIN VỀ QUỸ

Tên Quỹ : **QUỸ ETF KIM GROWTH VN30**

Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ : số 52/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 07/12/2021

Ngày chốt danh sách Nhà Đầu Tư : ngày 31/03/2023
thực hiện quyền biểu quyết

Tỷ lệ phân bổ quyền : 01 chứng chỉ quỹ - 01 quyền biểu quyết

II. MỤC ĐÍCH VÀ NỘI DUNG CẦN LẤY Ý KIẾN NHÀ ĐẦU TƯ

- Mục đích: thông qua các nội dung được nêu tại Tờ trình và Mục IV Phiếu lấy ý kiến.
- Nội dung cần lấy ý kiến Nhà Đầu Tư: các nội dung được nêu tại Tờ trình và Mục IV Phiếu lấy ý kiến.

III. THÀNH PHẦN BAN KIỂM PHIẾU VÀ THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM KIỂM PHIẾU

1. Thành phần Ban kiểm phiếu

- Nguyễn Trần Thùy Trang – Thành viên Ban kiểm phiếu.
- Trần Phước Duy – Thành viên Ban kiểm phiếu.

2. Thời gian, địa điểm tổng hợp kết quả kiểm phiếu

- Thời gian lấy ý kiến: từ ngày 04/04/2023 đến 17:00 ngày 25/04/2023.
- Thời gian tổng hợp kết quả kiểm phiếu: 13:30 ngày 27/04/2023.
- Địa điểm thực hiện kiểm phiếu: Phòng 1807-1808, Tầng 18, Tòa nhà mPlaza Saigon, Số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

IV. KẾT QUẢ KIỂM PHIẾU

1. Ban kiểm phiếu đã tiến hành kiểm phiếu lấy ý kiến Nhà Đầu Tư, kết quả như sau:

- Tổng số Nhà Đầu Tư tham gia lấy ý kiến và số chứng chỉ quỹ biểu quyết được tính trên số lượng Nhà Đầu Tư và số chứng chỉ quỹ tính tại **ngày 31/03/2023**:
 - Số lượng Nhà Đầu Tư: 534
 - Số lượng chứng chỉ quỹ: 44.000.000
- Kết quả kiểm phiếu:



- Tổng số phiếu lấy ý kiến phát ra: 534 phiếu, tương ứng với 44.000.000 chứng chỉ quỹ.
- Tổng số phiếu lấy ý kiến thu về: 6 phiếu, tương ứng với 29.115.300 chứng chỉ quỹ.
- Tổng số phiếu hợp lệ: 6 phiếu, tương ứng với 29.115.300 chứng chỉ quỹ.
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, tương ứng với 0 chứng chỉ quỹ.

2. Kết quả kiểm phiếu từng nội dung:

STT	Nội dung	Số chứng chỉ quỹ và tỷ lệ biểu quyết					
		Tán thành		Không tán thành		Không có ý kiến	
		Số lượng chứng chỉ quỹ	Tỷ lệ (%)	Số lượng chứng chỉ quỹ	Tỷ lệ (%)	Số lượng chứng chỉ quỹ	Tỷ lệ (%)
1	Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ năm 2022 và chiến lược đầu tư của Quỹ năm 2023	29.115.300	66.17%	0	0	0	0
2	Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán của Quỹ	29.115.300	66.17%	0	0	0	0
3	Thông qua Báo cáo của Ngân hàng Giám sát năm 2022	29.115.300	66.17%	0	0	0	0
4	Thông qua phương án không phân phối lợi nhuận của Quỹ năm 2022	29.115.300	66.17%	0	0	0	0
5	Ủy quyền cho Ban đại diện Quỹ lựa chọn và quyết định tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Quỹ trong danh sách các công ty kiểm toán do Công Ty Quản Lý Quỹ đề xuất, đáp ứng các tiêu chuẩn tại Điều lệ Quỹ	29.115.300	66.17%	0	0	0	0

59 - C.7
CÔNG TY TNHH
ẢN LÝ C
H VIỆT NAM
T.P HỒ C

V. CÁC NỘI DUNG ĐƯỢC THÔNG QUA

Căn cứ kết quả lấy ý kiến Nhà Đầu Tư tại Mục IV, các vấn đề sau đây đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua:

1. Báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ năm 2022 và chiến lược đầu tư của Quỹ năm 2023;
2. Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán của Quỹ;
3. Báo cáo của Ngân hàng Giám sát năm 2022;
4. Phương án không phân phối lợi nhuận của Quỹ năm 2022;
5. Ủy quyền cho Ban đại diện Quỹ lựa chọn và quyết định tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023.

Biên bản này được lập vào lúc 17:00 giờ ngày 27/04/2023 tại trụ sở chính của Công ty TNHH quản lý quỹ KIM Việt Nam.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CÔNG TY TNHH
QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM



VUN HANG JIN

THÀNH VIÊN
BAN KIỂM PHIẾU

A handwritten signature in blue ink.

Nguyễn Trần Thùy Trang

THÀNH VIÊN
BAN KIỂM PHIẾU

A handwritten signature in blue ink.

Trần Phước Duy

XÁC NHẬN CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

A handwritten signature in blue ink.

Lương Hải Hà



TỜ TRÌNH
CÁC NỘI DUNG CẦN LẤY Ý KIẾN NHÀ ĐẦU TƯ BẰNG VĂN BẢN TẠI ĐẠI
HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2022 CỦA QUỸ ETF
KIM GROWTH VN30

Kính gửi: Quý Nhà Đầu Tư

Công ty TNHH quản lý quỹ KIM Việt Nam kính trình Quý Nhà Đầu Tư các nội dung cần lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên Năm tài chính 2022 của Quỹ ETF KIM Growth VN30 (“**Quỹ**”) như sau:

1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ năm 2022 và chiến lược đầu tư của Quỹ năm 2023 đính kèm Tờ trình này;
2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán của Quỹ đính kèm Tờ trình này;
3. Thông qua Báo cáo của Ngân hàng Giám sát năm 2022 đính kèm Tờ trình này;
4. Thông qua phương án không phân phối lợi nhuận của Quỹ năm 2022;
5. Ủy quyền cho Ban đại diện Quỹ lựa chọn và quyết định tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Quỹ trong danh sách các công ty kiểm toán do Công Ty Quản Lý Quỹ đề xuất, đáp ứng các tiêu chuẩn nêu tại Điều lệ Quỹ.

Cơ sở đề xuất: Theo quy định tại Điều 54 Điều lệ Quỹ

“Hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đề xuất Công Ty Kiểm Toán để trình Đại Hội Nhà Đầu Tư lựa chọn. Trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ theo quy định tại Điều 31.6 Điều Lệ này, Ban Đại Diện Quỹ thực hiện chọn Công Ty Kiểm Toán để tiến hành soát xét, kiểm toán cho Quỹ. Công Ty Kiểm Toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- 54.1. Có giấy phép được cung cấp dịch vụ kiểm toán do Bộ Tài Chính cấp.
- 54.2. Nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận.
- 54.3. Không phải là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát.
- 54.4. Có uy tín và kinh nghiệm trong việc thực hiện kiểm toán cho các quỹ đầu tư.”

Trân trọng kính trình./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 4 năm 2023

Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH
QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM
TNHH
QUẢN LÝ QUỸ
KIM VIỆT NAM
Yun Hang Jin
Chủ tịch Hội đồng thành viên

QUỸ ETF KIM GROWTH VN30
Được quản lý bởi CÔNG TY TNHH
QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: FUEKIN.30/BC.KQHĐ

TP.HCM, ngày 31 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2022 VÀ CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ NĂM 2023 CỦA QUỸ ETF KIM GROWTH VN30

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ NĂM 2022

Quỹ ETF KIM Growth VN30 (“Quỹ”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 52/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07/12/2021.

Trong năm 2022, Quỹ đã theo đuổi chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu bám sát tỷ lệ lợi nhuận của chỉ số tham chiếu VN30 (là chỉ số giá do Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh xây dựng) và không chủ động tìm kiếm tăng trưởng cao hơn chỉ số tham chiếu, cũng như không sử dụng các biện pháp phòng thủ khi thị trường chứng khoán biến động bất lợi.

Tại ngày 30/12/2022, mức độ sai lệch so với chỉ số tham chiếu (Tracking Error) của Quỹ là 0,17%, thấp hơn so với quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Danh mục đầu tư của Quỹ đã bám sát khá tốt chỉ số tham chiếu, tính từ ngày 31/12/2021 tới ngày 30/12/2022, chỉ số tham chiếu VN30 giảm 34,55%, trong khi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ giảm 34,75%.

	NAV/CCQ	Tăng trưởng	
		2022	Từ ngày kết thúc đăng ký góp vốn
KIM Growth VN30 ETF	6.565,35	-34,75%	-34,35%
Chỉ số tham chiếu	1.005,19	-34,55%	-34,38%

Tại ngày 30/12/2022, số chứng chỉ quỹ đang lưu hành là 61,5 triệu đơn vị với quy mô tổng giá trị tài sản ròng tại ngày 30/12/2022 đạt 403,75 tỷ đồng.

Tại ngày 30/12/2022, tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài là 86,6%.

Về phân phối lợi nhuận, Quỹ đề xuất không thực hiện phân phối lợi nhuận trong năm 2022 để tái đầu tư.

II. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ CỦA QUỸ NĂM 2023

Mục tiêu đầu tư của Quỹ năm 2023 là hướng tới đạt hiệu quả đầu tư bám sát mức sinh lời thực tế của chỉ số VN30 trong tất cả các giai đoạn. Để đạt mục tiêu này, Quỹ áp dụng phương pháp đầu tư mô phỏng toàn bộ rổ cổ phiếu VN30 để giảm thiểu mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu.


CÔNG TY TNHH
QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM
Yun Hạng Jin
Chủ tịch Hội đồng thành viên

Quỹ ETF KIM GROWTH VN30

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2022



Quỹ ETF KIM GROWTH VN30

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	4 - 10
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	11 - 12
Báo cáo kiểm toán độc lập	13 - 14
Báo cáo thu nhập	15
Báo cáo tình hình tài chính	16 - 17
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ ETF	18
Báo cáo danh mục đầu tư	19 - 20
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	21
Thuyết minh báo cáo tài chính	22 - 49

Quỹ ETF KIM GROWTH VN30

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ ETF KIM Growth VN30 (“Quỹ”) là quỹ hoán đổi danh mục (gọi tắt là “quỹ ETF”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 52/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 7 tháng 12 năm 2021. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Vốn điều lệ của Quỹ (vốn huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng) được quy định trong Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng là 71.000.000.000 đồng Việt Nam (“VND”). Theo Giấy chứng nhận này, Quỹ được phép phát hành 7.100.000 chứng chỉ quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 VND trên một chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng. Trong quá trình hoạt động của Quỹ, Quỹ được phép phát hành thêm và hoán đổi lại chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND trên một chứng chỉ quỹ. Giá bán một lô chứng chỉ quỹ các lần phát hành sau được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng với phí phát hành (nếu có). Giá mua lại một lô chứng chỉ quỹ được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi phí mua lại (nếu có). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 615.000.000.000 đồng Việt Nam, tương đương với 61.500.000 chứng chỉ quỹ.

Quỹ được đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng theo Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 182/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 9 năm 2021.

Chứng chỉ quỹ được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) theo Quyết định số 705/QĐ-SGDHCM ngày 21 tháng 12 năm 2021 với mã chứng khoán FUEKIV30 và chính thức giao dịch từ ngày 7 tháng 1 năm 2022.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng biến động của chỉ số tham chiếu sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số tham chiếu là chỉ số VN30 do HOSE xây dựng và quản lý.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam, Phòng 1807 – 1808, Tầng 18 Tòa nhà mPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Ngân hàng Giám sát được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Quỹ ETF KIM Growth VN30 được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”). Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép số 59/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 1 tháng 10 năm 2020 (và các sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm), và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

Quỹ ETF KIM GROWTH VN30

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Vũ Trần Vĩnh Thụy	Chủ tịch, thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 11 năm 2021
Bà Ngô Thị Minh Nghĩa	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 11 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Thanh Lam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 11 năm 2021

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) tới ngày lập báo cáo này là Ông Yun Hang Jin, chức vụ Chủ tịch Hội đồng Thành viên của Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM

Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Ban Điều hành Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM (“Công ty Quản lý Quỹ”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Quỹ cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Theo ý kiến của Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Điều hành:



Ông Yun Hạng Jin
Chủ tịch Hội đồng Thành viên

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2023

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1. Tên của Quỹ

Quỹ ETF KIM Growth VN30 (“Quỹ”).

2. Mục tiêu của Quỹ

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động của Chỉ Số Tham Chiếu VN30 sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số VN30 là chỉ số giá do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý. Mục tiêu này phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ do UBCKNN cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

3. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính của Quỹ, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)/ chứng chỉ quỹ (CCQ) là -34,18% so với NAV/CCQ tại ngày thành lập quỹ;

Trong khi giá trị của danh mục cơ cấu thay đổi là -35,32%, thay đổi của chỉ số tham chiếu là -33,55% trong cùng kỳ so sánh.

4. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ ETF KIM Growth VN30 sử dụng chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu bám sát chỉ số VN30 Index trong tất cả các giai đoạn. Quỹ không chủ động tìm kiếm tăng trưởng cao hơn Chỉ số tham chiếu VN30 Index, cũng không sử dụng các biện pháp phòng thủ khi thị trường chứng khoán có những biến động bất lợi và không thực hiện hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao.

Với việc đầu tư thụ động bám sát chỉ số, Quỹ ETF KIM Growth VN30 hướng tới giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.

5. Phân loại Quỹ

Quỹ hoán đổi danh mục.

6. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (“UBCKNN”) cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ số 52/GCN-UBCK ngày 7 tháng 12 năm 2021, theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

7. Mức độ rủi ro của Quỹ: Trung bình

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, giá trị tài sản ròng của Quỹ là 403.769.600.137 VND và vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 615.000.000.000 VND, tương đương với số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành là 61.500.000.

9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, chỉ số VN30 tại thời điểm báo cáo là 1,005.19.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Quỹ chi trả lợi tức Quỹ bảo đảm nguyên tắc:

- Phù hợp với chính sách phân chia lợi nhuận quy định tại điều lệ Quỹ;
- Thực hiện sau khi Quỹ đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và trích lập đầy đủ các quỹ quy định tại Điều Lệ Quỹ (nếu có);
- Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải bảo đảm có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và bảo đảm giá trị tài sản ròng không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng.

Trường hợp phân phối lợi tức bằng Chứng chỉ Quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

Hình thức phân chia lợi nhuận có thể bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ Quỹ.

Việc phân chia lợi nhuận của Quỹ được thực hiện trên cơ sở đề suất của Công ty Quản lý Quỹ và phải được Đại hội Nhà Đầu tư hoặc Ban Đại diện Quỹ (nếu được ủy quyền) chấp nhận.

Nhà Đầu tư có trong Danh sách Nhà Đầu tư tại Ngày giao dịch được công bố bởi Công ty Quản lý Quỹ cho việc phân chia lợi nhuận ("Ngày Chốt Danh Sách") được coi là đủ điều kiện để nhận lợi nhuận được phân chia. Trường hợp Nhà Đầu tư đã chuyển nhượng số Chứng chỉ Quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm Ngày Chốt Danh Sách và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận lợi nhuận.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị chứng chỉ quỹ

Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tài sản quỹ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
	%
Danh mục chứng khoán	99,60%
Các tài sản khác	0,40%
Cộng	100,00%

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

	Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
1	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	403.769.600.137
2	Tổng số chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành	61.500.000
3	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ	6.565,35
4	Giá trị tài sản ròng cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	10.214,87
5	Giá trị tài sản ròng thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	5.908,53
6	Giá cuối ngày trên 1 đơn vị quỹ tại ngày báo cáo	6.650
7	Giá cuối ngày cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	10.110
8	Giá cuối ngày thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	5.960
9	Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị quỹ	-34,18%
10	Phân phối gộp trên 1 đơn vị quỹ (*)	Không áp dụng
11	Phân phối ròng trên 1 đơn vị quỹ (*)	Không áp dụng
12	Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) (*)	Không áp dụng
13	Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	1,23%
14	Tốc độ vòng quay danh mục (%)	17,70%

(*) Quỹ chưa áp dụng chính sách phân phối lợi nhuận.

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tăng trưởng của NAV/CCQ	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm
1 năm	Không áp dụng	Không áp dụng
3 năm (*)	Không áp dụng	Không áp dụng
Từ khi thành lập (ngày 7/12/2021) (**)	-34,18%	Không áp dụng
Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu	-33,55%	Không áp dụng

(*) Công thức tính tăng trưởng hàng năm trong giai đoạn 3 năm:

$$R = \sqrt[3]{(1 + R1)(1 + R2)(1 + R3)} - 1$$

(**) Công thức tính tăng trưởng hàng năm từ khi thành lập:

$$R = \sqrt[n]{(1 + R1)(1 + R2) \dots (1 + Rn)} - 1$$

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

1. Kinh tế vĩ mô

Trong năm 2022, nền kinh tế Việt Nam bị tác động mạnh mẽ bởi các yếu tố vĩ mô thế giới và các xung đột địa chính trị như chiến tranh Nga - Ukraine, lãi suất gia tăng do lạm phát tăng mạnh trên toàn thế giới, chính sách tiền tệ thắt chặt của Cục dự trữ liên bang Mỹ (Fed) và biện pháp phong tỏa nghiêm ngặt của Trung Quốc đối với dịch bệnh làm gián đoạn chuỗi cung toàn cầu.

Mặc dù đối mặt với nhiều thách thức từ kinh tế thế giới, nền kinh tế Việt Nam đã hồi phục mạnh mẽ và tăng trưởng tích cực so với năm 2021. Tăng trưởng GDP năm 2022 đạt 8,02%, mức tăng trưởng cao nhất trong 10 năm trở lại đây. Thặng dư thương mại đạt xấp xỉ 11,2 tỷ USD, tăng mạnh so với mức 4 tỷ năm 2021. Giải ngân vốn FDI đạt 22,4 tỷ USD cao nhất trong 5 năm, tăng 13,5% so với cùng kỳ.

Trong năm 2022, dù áp lực lạm phát dâng cao trên toàn thế giới, CPI Việt Nam chỉ tăng 3,15%, dưới mức lạm phát mục tiêu 4% của Quốc hội đề ra.

Tuy nhiên, việc gia tăng lãi suất của Fed đã gây ra áp lực rất lớn lên tỷ giá USD/VND. Kết thúc năm 2022, tỷ giá USD/VND giảm 4,3% kể từ đầu năm 2022. Ngân hàng Nhà nước đã rất nỗ lực điều hành tỷ giá bao gồm việc bán ra lượng lớn dự trữ USD (ước tính khoảng 21 tỷ USD) và tăng lãi suất điều hành để làm giảm áp lực lên tỷ giá. Trong năm 2022, Ngân hàng nhà nước đã hai lần tăng lãi suất điều hành, mỗi lần 1% vào các tháng 9 và 10 trong năm. Điều này đã làm gia tăng mặt bằng lãi suất huy động và cho vay trên toàn hệ thống ngân hàng.

2. Thị trường chứng khoán

Năm 2022 là một năm đầy thách thức đối với thị trường chứng khoán Việt Nam trước những tác động tiêu cực từ yếu tố vĩ mô trong nước và thế giới. Các vi phạm liên quan đến phát hành trái phiếu doanh nghiệp từ các công ty bất động sản làm thị trường trái phiếu và bất động sản gần như đã đóng băng, gây mất niềm tin của nhà đầu tư và làm tình trạng thiếu hụt thanh khoản thêm trầm trọng. Làn sóng bán giải chấp mạnh cổ phiếu tại các công ty chứng khoán gây tâm lý hoảng loạn, đẩy giá nhiều cổ phiếu giảm sâu trên thị trường.

Kết thúc năm 2022, chỉ số VN-Index đạt 1.007,09 điểm, giảm 32,78% so với đầu năm. Chỉ số HNX cũng giảm mạnh 56,68% so với đầu năm. Thanh khoản giao dịch trung bình trên cả 3 sàn trong năm 2022 là 24.187 tỷ đồng, giảm 24,8% so với năm 2021.

Hầu hết các ngành trong chỉ số đều ghi nhận mức suy giảm mạnh trong đó ngành bất động sản, ngân hàng, nguyên, vật liệu và tài chính đóng góp nhiều nhất vào mức giảm của chỉ số.

Mặc dù kinh tế Việt Nam tăng trưởng mạnh nhất trong một thập niên và lợi nhuận các công ty niêm yết tăng hơn 20% trong năm 2022, thị trường chứng khoán Việt Nam lại giảm lớn thứ hai trong lịch sử và thuộc nhóm thị trường giảm mạnh nhất trên thế giới trong năm 2022. Nguyên nhân chính từ tâm lý bất ổn của nhà đầu tư chứ không phải nền kinh tế và doanh nghiệp.

Điểm ghi nhận tích cực trên thị trường chứng khoán đó là sự tham gia mạnh mẽ của khối ngoại trên thị trường. Năm 2022, khối ngoại mua ròng trên cả ba sàn HOSE, HNX và Upcom là 29,14 ngàn tỷ đồng trong khi đó bán ròng trong năm 2021 là 61,7 ngàn tỷ đồng. Số lượng nhà đầu tư cá nhân mở mới hơn 2,48 triệu tài khoản tính chung cho 11 tháng năm 2022, cao gấp khoảng 2,6 lần so với cuối năm 2021

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

	<i>1 năm đến thời điểm báo cáo</i>	<i>3 năm đến thời điểm báo cáo</i>	<i>Từ khi thành lập %</i>
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị quỹ	Không áp dụng	Không áp dụng	-34,18%
Tăng trưởng hàng năm(%) /1 đơn vị quỹ	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	Không áp dụng	Không áp dụng	-35,32%
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị quỹ (*)	Không áp dụng	Không áp dụng	-34,48%

(*) Chỉ tiêu này tính từ ngày Quỹ ETF KIM Growth VN30 được chính thức niêm yết trên sàn HSX (Ngày 7 tháng 1 năm 2022).

Thay đổi giá trị tài sản ròng

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</i>	<i>Ngày 7 tháng 12 năm 2021 (Ngày lập quỹ) VND</i>	<i>Tỷ lệ thay đổi</i>
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	403.769.600.137	70.817.221.406	470,16%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	6.565,35	9.974,25	-34,18%

2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo

<i>Quy mô nắm giữ (chứng chỉ quỹ)</i>	<i>Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ</i>	<i>Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ</i>	<i>Tỷ lệ nắm giữ</i>
Dưới 5.000	487	367.800	0,60%
Từ 5.000 đến 10.000	19	118.500	0,19%
Từ 10.000 đến 50.000	14	239.900	0,39%
Từ 50.000 đến 500.000	3	311.900	0,51%
Trên 500.000	10	60.461.900	98,31%
Tổng cộng	533	61.500.000	100,00%

3. Chi phí ngậm và giảm giá

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam cam kết không có chi phí ngậm và giảm giá trong suốt quá trình quản lý hoạt động của Quỹ ETF KIM Growth VN30 và luôn bảo đảm tính độc lập trong quản lý Quỹ ETF.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Trong năm 2023, kinh tế Việt Nam có thể tiếp tục chịu những tác động mạnh mẽ từ kinh tế thế giới. Tăng trưởng GDP năm 2023 dự kiến là 6,2% thấp hơn so với năm 2022 (theo Quỹ tiền tệ Quốc tế, IMF). Nền kinh tế Việt Nam có thể đối mặt với các thách thức bao gồm (1) xuất khẩu chậm lại ảnh hưởng bởi tăng trưởng toàn cầu suy giảm trong năm 2023, (2) áp lực tăng lãi suất và tỷ giá vẫn hiện hữu khi Fed có thể tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt, (3) áp lực lạm phát do các chi phí đầu tư có xu hướng gia tăng như chi phí lương, chi phí điện, giá dịch vụ y tế...(4) rủi ro từ đảo lộn trái phiếu doanh nghiệp do chính phủ vẫn chưa ban hành các giải pháp triệt để giải quyết bài toán thanh khoản cho thị trường.

Tuy nhiên, nền kinh tế Việt Nam vẫn được hỗ trợ bởi động lực tăng trưởng đến từ (1) Dịch vụ với dẫn dắt từ ngành du lịch, lưu trú và ăn uống sẽ tăng trưởng mạnh trở lại khi Trung Quốc đã dỡ bỏ chính sách zero covid từ ngày 08/01/2023, (2) Đầu tư công sẽ được giải ngân mạnh khi Chính phủ dự toán vốn đầu tư ngân sách nhà nước tăng 22% so với kế hoạch năm 2022, (3) Việt Nam đẩy mạnh quá trình chuyển dịch năng lượng xanh hướng tới sự phát triển bền vững khi trong tháng 12 vừa qua một nhóm các nước phát triển đã cam kết sẽ tài trợ 15,5 tỷ USD để hỗ trợ Việt Nam trong quá trình chuyển đổi xanh.

Trên bối cảnh thị trường chứng khoán, mức định giá của thị trường Việt Nam cuối năm 2022 đang ở mức 10,5x thấp so với các quốc gia trong khu vực như Thái Lan 15,9x, Malaysia 14,4x, Singapore 11,97x, Indonesia 14,41x, Phillippine 15,05x (theo Bloomberg). Mức định giá này cũng thấp hơn đáng kể so với trung bình định giá 5 năm (16,1x lần P/E). Tăng trưởng CAGR EPS cho thời kỳ 2023-2024 theo dự báo của Bloomberg đạt 15,5%. Vì vậy, mức định giá này tương đối hấp dẫn so với các quốc gia trong khu vực trong tương quan tăng trưởng lợi nhuận.

Thị trường tiếp tục đối mặt từ rủi ro từ lạm phát, lãi suất gia tăng, áp lực tỷ giá cũng như các rủi ro vỡ nợ trên thị trường trái phiếu trong nửa đầu năm 2023. Tuy nhiên, thị trường có thể khởi sắc vào nửa cuối năm 2023 khi Fed giảm dần lãi suất, Ngân hàng nhà nước giảm thắt chặt tiền tệ, lãi suất VND hạ dần và áp lực lên tỷ giá USD/VND không còn. Ngoài ra, chính phủ sẽ có những biện pháp triệt để giải quyết các vấn đề về trái phiếu doanh nghiệp để khơi thông nguồn vốn cho ngành bất động sản. Khi đó tâm ý nhà đầu tư sẽ khôi phục và dòng tiền sẽ quay lại thị trường.

VI. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về Nhân sự điều hành quỹ và Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ

Ông Yun Hang Jin - Chủ tịch Hội đồng thành viên

Ông Yun Hang Jin là chuyên gia cao cấp có hơn 20 năm kinh nghiệm tại các thị trường mới nổi (emerging market), đặc biệt là Trung Quốc và Việt Nam. Ông Yun Hang Jin đã làm việc tại các tổ chức tài chính hàng đầu Hàn Quốc như Công ty Chứng khoán LG, Công ty Chứng khoán Korea Investment ... Tại Việt Nam, ông Yun Hang Jin trước đó đảm nhiệm chức danh Trưởng Văn phòng đại diện của Công ty Korea Investment Management Co., Ltd. Tại TP. Hồ Chí Minh; hiện ông Yun Hang Jin là Chủ tịch Hội đồng Thành viên của Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam.

Ông Huỳnh Tuấn Khánh - Tổng giám đốc

Ông Huỳnh Tuấn Khánh có chứng chỉ Đầu tư tài chính CFA và Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ do Ủy ban Chứng khoán nhà nước Việt Nam cấp. Ông Huỳnh Tuấn Khánh có trên 12 năm kinh nghiệm làm việc tại các công ty trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính như Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife, Công ty cổ phần chứng khoán Rồng Việt, Ngân Hàng Á Châu.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Ông Bae Seung Kwon - Giám đốc Khối đầu tư

Ông Bae Seung Kwon có các Chứng chỉ hành nghề quản lý tài sản do Hàn Quốc và Ủy ban Chứng khoán Việt Nam cấp. Ông Bae Seung Kwon đảm nhiệm các hoạt động nghiên cứu thị trường và đầu tư của Công ty Korea Investment Management Co., Ltd. (Hàn Quốc) tại thị trường Việt Nam từ năm 2015. Trước đó, ông từng có nhiều năm làm việc tại PwC, British American Tobacco và A.T. Kearney.

Bà Vũ Ngọc Linh – Giám đốc Bộ phận Nghiên cứu

Bà Vũ Ngọc Linh là chuyên gia cao cấp trong lĩnh vực tài chính-chứng khoán. Trước khi gia nhập KIM Việt Nam, bà Vũ Ngọc Linh đã có 10 năm làm việc tại bộ phận Phân tích Chứng khoán và Ngân hàng đầu tư của J.P.Morgan và 4 năm làm việc tại Công ty Quản lý Quỹ Manulife tại bộ phận Trái phiếu và Thị trường vốn.

Ông Trương Vĩnh An - Giám đốc Đầu tư

Ông Trương Vĩnh An có chứng chỉ Phân tích tài chính (CFA) và Chứng chỉ hành nghề quản lý tài sản do Ủy ban Chứng khoán Việt Nam cấp. Ông Trương Vĩnh An có nhiều năm làm việc tại các công ty chứng khoán và quản lý quỹ hàng đầu Việt Nam trước khi gia nhập KIM Việt Nam. Hiện ông Trương Vĩnh An phụ trách quản lý danh mục cho Quỹ TVAM Vietnam Equity Fund (Nhật Bản) của KIM Việt Nam.

Ông Nguyễn Duy Mạnh – Giám đốc Đầu tư

Ông Nguyễn Duy Mạnh có 15 năm kinh nghiệm tại Việt Nam và quốc tế khi làm việc cho Franklin Templeton và Indochina Capital Group. Hiện ông Nguyễn Duy Mạnh đang quản lý danh mục cho Quỹ KIM Vietnam Growth Fund (UCITS). Ông Nguyễn Duy Mạnh có chứng chỉ Phân tích tài chính (CFA).

Ông Nguyễn Xuân Huy - Giám đốc Đầu tư

Ông Nguyễn Xuân Huy là chuyên gia phân tích và đầu tư với nhiều năm làm việc tại các quỹ đầu tư hàng đầu Việt Nam như PXP Vietnam Asset Management, Vinacapital.

Ông Vũ Giang Sơn - Phó Giám đốc Đầu tư

Ông Vũ Giang Sơn gia nhập KIM Việt Nam từ năm 2021, đảm nhiệm thiết kế và xây dựng các sản phẩm đầu tư thụ động của Công ty. Trước đó, ông Vũ Giang Sơn đã từng làm việc tại Ngân hàng Techcombank và Công ty Chứng khoán BIDV. Ông Vũ Giang Sơn có chứng chỉ Phân tích tài chính (CFA).

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2023

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



YUN HANG JIN

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng Giám sát của Quỹ ETF KIM GROWTH VN30 (“Quỹ”) cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này, Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ hoán đổi danh mục, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan, ngoại trừ việc thực hiện giao dịch tài sản trong năm thông qua môi giới của một công ty chứng khoán, chi tiết cụ thể như sau:

Theo điểm *a khoản 7 Điều 10, Thông tư 99/2020/TT-BTC* (“Thông tư 99”) ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và điểm *a khoản 7 Điều 93, Thông tư 99* quy định:

“Khi thực hiện giao dịch tài sản cho khách hàng ủy thác, công ty quản lý quỹ bảo đảm:

a) Đối với quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng:

- Giá trị giao dịch chứng khoán trong năm thông qua môi giới của một công ty chứng khoán không được vượt quá 50% tổng giá trị giao dịch chứng khoán trong năm của quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng đó;

- Giá trị giao dịch chứng khoán trong năm thông qua môi giới của công ty chứng khoán là người có liên quan của công ty quản lý quỹ không được vượt quá 20% tổng giá trị giao dịch chứng khoán trong năm của quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng đó;”

Trong năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, tỷ lệ giá trị giao dịch qua Công ty cổ phần chứng khoán KIS Việt Nam (“KIS”) trên tổng giá trị giao dịch của Quỹ là 74,46%, đã vượt quá quy định nêu trên. Nguyên nhân chủ yếu là do Quỹ phải thực hiện việc mua/bán hộ chứng khoán hạn chế thay cho thành viên lập quỹ KIS vì tại thời điểm (KIS) thực hiện giao dịch hoán đổi, nhiều mã cổ phiếu trong danh mục chứng khoán cơ cấu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa (FOL).

b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.



c) Trong kỳ, Quỹ đã thực hiện các giao dịch hoán đổi Chứng chỉ Quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

d) Trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Võ Trí Thanh

Trưởng Trung tâm Dịch vụ Khách hàng

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT *

A handwritten signature in blue ink, appearing to be "Vũ Trường Sơn".

Vũ Trường Sơn



Số tham chiếu: 12952890/66844105

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Nhà đầu tư của Quỹ ETF KIM Growth VN30

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ ETF KIM Growth VN30 (“Quỹ”), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2023 và được trình bày từ trang 15 đến trang 49 bao gồm báo cáo tình hình tài chính, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ

Ban Điều hành của Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính, danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là kỳ kế toán đầu tiên của Quỹ, do đó không có số liệu so sánh đối với các chỉ tiêu Báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0763-2019-004-1

Vũ Tiến Dũng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3221-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO THU NHẬP

cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
01	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		(93.900.151.350)
02	1.1 Cổ tức được chia	11	1.924.817.540
03	1.2 Tiền lãi được nhận	11	11.318.860
04	1.3 Lỗ bán các khoản đầu tư	12	(9.572.234.338)
05	1.4 Chênh lệch giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	(86.264.053.412)
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		104.705.096
11	2.1 Chi phí giao dịch hoán đổi, bán các khoản đầu tư	13	104.705.096
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ ETF		2.336.175.522
20.1	3.1 Phí quản lý quỹ ETF		1.165.119.485
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản quỹ ETF	14	292.919.592
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát		74.902.084
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị quỹ ETF		211.306.451
20.5	3.5 Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng		64.935.484
20.6	3.6 Phí dịch vụ khác của Nhà cung cấp dịch vụ cho Quỹ ETF	15	205.828.896
20.7	3.7. Chi phí họp, Đại hội Quỹ mở		15.170.196
20.8	3.8 Chi phí kiểm toán		141.296.297
20.11	3.9 Chi phí hoạt động khác	16	164.697.037
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		(96.341.031.968)
30	V. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		(96.341.031.968)
31	5.1 Lợi nhuận đã thực hiện		(10.076.978.556)
32	5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(86.264.053.412)
41	VI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		(96.341.031.968)

Người lập:

Ông Trần Phước Duy
Quản trị Quỹ

Người phê duyệt:

Bà Nguyễn Trần Thùy Trang
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

Ông Yun Hang Jin
Chủ tịch Hội đồng thành viên

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
100	I. TÀI SẢN		
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	4	1.034.921.452
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ ETF		1.034.720.111
112	1.2 Tiền gửi tại đại lý phân phối		201.341
120	2. Các khoản đầu tư thuần	5	402.666.279.750
121	2.1 Các khoản đầu tư		402.666.279.750
130	3. Các khoản phải thu		571.620.000
133	3.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		571.620.000
100	TỔNG TÀI SẢN		404.272.821.202
300	NỢ PHẢI TRẢ		503.221.065
314	1. Phải trả thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6	6.403.225
316	2. Chi phí phải trả	7	92.296.297
319	3. Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	8	404.521.543
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		503.221.065
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF		403.769.600.137
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư	9	615.000.000.000
412	1.1 Vốn góp phát hành		665.000.000.000
413	1.2 Vốn góp mua lại		(50.000.000.000)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		(114.889.367.895)
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	10	(96.341.031.968)
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ ETF TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ	9	6.565,35
440	V. LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ		-

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ ETF
cho giai đoạn tài chính từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2022

STT	CHỈ TIÊU	Cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
I	Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF (NAV) đầu kỳ	-
II	Thay đổi NAV trong kỳ	(96.341.031.968)
II.1	- Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của quỹ ETF trong kỳ	(96.341.031.968)
III	Thay đổi NAV do hoán đổi lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ ETF	
III.1	- Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ ETF - Khoản thanh toán từ việc hoán đổi lại chứng chỉ quỹ ETF	534.989.730.925 (34.879.098.820)
IV	Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF cuối kỳ	403.769.600.137

Người lập:

Ông Trần Phước Duy
Quản trị Quỹ

Người phê duyệt:

Bà Nguyễn Trần Thùy Trang
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Yun Häng Jin
Chủ tịch Hội đồng thành viên

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2023

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
 Quỹ ETF KIM Growth VN30

B04-ETF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
I	CỔ PHIẾU NIÊM YẾT			402.666.279.750	99,60%
1	ACB	1.200.400	21.900	26.288.760.000	6,50%
2	BID	81.329	38.600	3.139.299.400	0,78%
3	BVH	31.000	46.600	1.444.600.000	0,36%
4	CTG	303.500	27.250	8.270.375.000	2,05%
5	FPT	391.700	76.900	30.121.730.000	7,45%
6	GAS	40.200	101.500	4.080.300.000	1,01%
7	GVR	61.500	13.800	848.700.000	0,21%
8	HDB	732.550	15.950	11.684.172.500	2,89%
9	HPG	1.335.650	18.000	24.041.700.000	5,95%
10	KDH	194.000	26.500	5.141.000.000	1,27%
11	MBB	1.047.340	17.100	17.909.514.000	4,43%
12	MSN	269.000	93.000	25.017.000.000	6,19%
13	MWG	461.200	42.900	19.785.480.000	4,89%
14	NVL	324.484	14.000	4.542.776.000	1,12%
15	PDR	113.781	13.600	1.547.421.600	0,38%
16	PLX	53.900	31.700	1.708.630.000	0,42%
17	POW	194.800	10.650	2.074.620.000	0,51%
18	SAB	29.600	166.900	4.940.240.000	1,22%
19	SSI	432.600	17.700	7.657.020.000	1,89%
20	STB	791.500	22.500	17.808.750.000	4,41%
21	TCB	957.800	25.850	24.759.130.000	6,12%
22	TPB	360.925	21.050	7.597.471.250	1,88%
23	VCB	218.678	80.000	17.494.240.000	4,33%
24	VHM	457.000	48.000	21.936.000.000	5,43%
25	VIB	488.000	19.000	9.272.000.000	2,29%
26	VIC	400.700	53.800	21.557.660.000	5,33%
27	VJC	114.300	109.500	12.515.850.000	3,10%
28	VNM	350.800	76.100	26.695.880.000	6,60%
29	VPB	1.832.100	17.900	32.794.590.000	8,11%
30	VRE	379.900	26.300	9.991.370.000	2,47%
II	CÁC TÀI SẢN KHÁC			571.620.000	0,14%
1	Dự thu cổ tức			571.620.000	0,14%

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM
Quỹ ETF KIM Growth VN30

B04-ETF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
IV 1	TIỀN Tiền gửi ngân hàng			1.034.921.452 1.034.921.452	0,26% 0,26%
	TỔNG GIÁ TRỊ DANH MỤC			404.272.821.202	100,00%

Người lập:

Ông Trần Phước Duy
Quản trị Quỹ

Người phê duyệt:

Bà Nguyễn Trần Thùy Trang
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Yuri Hang Jin
Chủ tịch Hội đồng thành viên

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho giai đoạn tài chính từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		(96.341.031.968)
01.1	Điều chỉnh lỗ do việc mua lại chứng chỉ quỹ		6.478.321.154
01.2	Điều chỉnh lợi nhuận do việc mua hộ chứng khoán hạn chế	12	(384.382.500)
02	2. Điều chỉnh cho các khoản (tăng)/giảm giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		86.405.349.709
03	Lỗ đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	86.264.053.412
04	Chi phí trích trước		141.296.297
05	3. Lợi nhuận sử dụng vào hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		(3.841.743.605)
06	Tăng các khoản đầu tư		(201.590.341.816)
07	Tăng dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		(571.620.000)
13	Giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		6.403.225
16	Giảm phải trả, phải nộp khác		(49.000.000)
17	Tăng phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF		404.521.543
19	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(205.641.780.653)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
21	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ (*)		206.839.150.925
22	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ		(162.448.820)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		206.676.702.105
40	III. Tăng tiền thuần trong năm		1.034.921.452
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		-
51	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		-
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ ETF		-
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	1.034.921.452
56	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ ETF		1.034.720.111
58	- Tiền gửi cho hoạt động mua bán của nhà đầu tư		201.341
60	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong năm		1.034.921.452

(*) Bao gồm dòng tiền trong giao dịch chứng khoán hạn chế trong giao dịch hoán đổi Chứng chỉ Quỹ

Người lập:

Ông Trần Phước Duy
Quản trị Quỹ

Người phê duyệt:

Bà Nguyễn Trần Thùy Trang
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Yun Heng Jin
Chủ tịch Hội đồng thành viên

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính

từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ ETF KIM Growth VN30 (“Quỹ”) là quỹ hoán đổi danh mục (gọi tắt là “quỹ ETF”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 52/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 7 tháng 12 năm 2021. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Vốn điều lệ của Quỹ (vốn huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng) được quy định trong Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng là 71.000.000.000 đồng Việt Nam (“VND”). Theo Giấy chứng nhận này, Quỹ được phép phát hành 7.100.000 chứng chỉ quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 VND trên một chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng. Trong quá trình hoạt động của Quỹ, Quỹ được phép phát hành thêm và hoán đổi lại chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND trên một chứng chỉ quỹ. Giá bán một lô chứng chỉ quỹ các lần phát hành sau được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng với phí phát hành (nếu có). Giá mua lại một lô chứng chỉ quỹ được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi phí mua lại (nếu có). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 615.000.000.000 đồng Việt Nam, tương đương với 61.500.000 chứng chỉ quỹ.

Quỹ được đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng theo Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 182/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 9 năm 2021.

Chứng chỉ quỹ được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) theo Quyết định số 705/QĐ-SGDHCM ngày 21 tháng 12 năm 2021 với mã chứng khoán FUEKIV30 và chính thức giao dịch từ ngày 7 tháng 1 năm 2022.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng biến động của chỉ số tham chiếu sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số tham chiếu là chỉ số VN30 do HOSE xây dựng và quản lý.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kim Việt Nam, Phòng 1807 – 1808, Tầng 18 Tòa nhà mPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Ngân hàng Giám sát được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính
từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.1 Thông tin về Quỹ (tiếp theo)

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ ETF KIM Growth VN30 được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam. Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép số 59/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 1 tháng 10 năm 2020 (và các sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm), và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Vốn điều lệ của Quỹ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng là 71.000.000.000 VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 615.000.000.000 đồng, tương đương với 61.500.000 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động của Chỉ Số Tham Chiếu VN30 sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số VN30 là chỉ số giá do Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý. Mục tiêu này phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ do UBCKNN cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

Ngày định giá

Ngày định giá là ngày xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ. Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định hàng ngày và cuối tháng. Trong trường hợp Ngày định giá trùng với ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì Ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó.

Đối với kỳ định giá hàng tháng, Ngày định giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo và không thay đổi kể cả trường hợp Ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.

Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá trị tài sản ròng cho mỗi đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị thị trường của các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng cho mỗi đơn vị quỹ được tính cho mỗi ngày giao dịch của Quỹ sẽ được làm tròn xuống đến hai (02) chữ số thập phân.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính
từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Tần suất giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ

Chứng chỉ quỹ được giao dịch hàng ngày nếu ngày đó là ngày làm việc ("Ngày giao dịch"). Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo đến Nhà đầu tư, đại lý phân phối và các đơn vị cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch cụ thể khi Ngày giao dịch không phải là ngày làm việc trên trang thông tin điện tử của công ty và/hoặc bằng thư điện tử.

Công ty Quản lý Quỹ có thể thay đổi Ngày giao dịch hay tần suất giao dịch khi thấy cần thiết, với điều kiện được Đại hội Nhà đầu tư thông qua phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ. Việc thay đổi Ngày giao dịch sẽ được thông báo trước trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ. Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội Nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

Hạn chế đầu tư

Danh mục đầu tư của Quỹ và các hạn chế đầu tư phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Quỹ, Bản Cáo bạch và Thông tư 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục ("Thông tư 98"), cụ thể như sau:

- ▶ Quỹ không được đầu tư vào quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- ▶ Quỹ không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán phát hành bởi cùng một tổ chức, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- ▶ Quỹ không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền của các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ đại chúng, chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ, phát hành bởi các công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ, trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu;
- ▶ Quỹ không được đầu tư vào chứng chỉ của chính Quỹ đó;
- ▶ Quỹ chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán khác do Công ty Quản lý Quỹ quản lý và đảm bảo các hạn chế sau:
 - Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- ▶ Quỹ không được đầu tư vào bất động sản, cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, trái phiếu phát hành riêng lẻ, trừ trường hợp đó là các tài sản Quỹ được hưởng lợi từ các quyền của chủ sở hữu;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính
từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

- ▶ Quỹ không được đầu tư vào chứng khoán được phát hành bởi Công ty Quản lý Quỹ, cá nhân có liên quan đến Công ty Quản lý Quỹ, Thành viên lập Quỹ trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu;
- ▶ Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục được quy định tại Thông tư số 181/2015/TT-BTC ("Thông tư 181") ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo Thông tư số 181, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập;
2. Báo cáo tình hình tài chính;
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF;
4. Báo cáo danh mục đầu tư;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
6. Thuyết minh báo cáo tài chính.

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, danh mục đầu tư, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán đầu tiên của Quỹ bắt đầu từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Các kỳ kế toán năm sau của Quỹ áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính là đồng Việt Nam ("VND").

2.5 Cam kết tuân thủ

Ban Điều hành Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kim Việt Nam khẳng định rằng báo cáo tài chính này tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính
từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ, tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (03) tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3.3 Các khoản đầu tư

Ghi nhận ban đầu

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch.

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận ban đầu theo giá mua và không bao gồm các khoản chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó kể cả phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ được đánh giá lại theo giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết được ghi nhận trên khoản mục “*Các khoản đầu tư*” trên báo cáo tình hình tài chính theo giá trị thị trường của cổ phiếu. Đối với cổ phiếu niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Trường hợp cổ phiếu không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày trước ngày định giá (bao gồm cả trường hợp do bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch), giá trị của các khoản đầu tư tại ngày lập báo cáo được xác định là giá mua cổ phiếu hoặc giá trị sổ sách của cổ phiếu.

Phần chênh lệch giữa giá trị đánh giá lại các khoản đầu tư tại thời điểm đánh giá và giá ghi sổ của chúng được phản ánh vào khoản mục “*Chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện*” trên báo cáo thu nhập.

Giá vốn của chứng khoán được tính theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch.

Quyền mua cổ phiếu: Giá trị của quyền mua cổ phiếu được xác định là phần chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày lập báo cáo tài chính và giá phát hành quyền mua, nhân với tỷ lệ thực hiện quyền. Trong trường hợp giá trị quyền xác định là âm (-), giá sử dụng để định giá là 0 VNĐ (không Đồng Việt Nam).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính
từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quý đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) bán các khoản đầu tư

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, lãi dự thu cổ tức, tiền lãi gửi ngân hàng và phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 được sửa đổi bởi Thông tư số 24/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 4 năm 2022 như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ sáu tháng đến dưới một năm	30%
Từ một năm đến dưới hai năm	50%
Từ hai năm đến dưới ba năm	70%
Từ ba năm trở lên	100%

3.5 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Phải trả hoạt động đầu tư và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

3.6 Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của Nhà đầu tư

Các Chứng chỉ Quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp hoán đổi lại. Mỗi chứng chỉ quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam. Một lô chứng chỉ quỹ tương ứng với 100.000 chứng chỉ quỹ.

Số lượng giao dịch hoán đổi tối thiểu là một lô chứng chỉ quỹ. Giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho tổng số lô chứng chỉ quỹ và làm tròn xuống lấy đến hàng đơn vị. Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá và làm tròn xuống lấy đến hai (2) số thập phân.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính
từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của Nhà đầu tư (tiếp theo)

Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn từ việc hoán đổi lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu. Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá chứng chỉ quỹ và được ghi nhận tại ngày làm việc liền sau ngày giao dịch hoán đổi - ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Quỹ.

Vốn góp hoán đổi lại

Vốn góp hoán đổi lại phản ánh nguồn vốn từ việc hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ quỹ. Vốn góp hoán đổi lại được phản ánh theo mệnh giá của chứng chỉ quỹ và được ghi nhận tại ngày làm việc liền sau ngày giao dịch hoán đổi - ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Quỹ.

Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành/giá hoán đổi lại chứng chỉ quỹ trong giao dịch hoán đổi.

Giá phát hành là mức giá mà nhà đầu tư phải thanh toán để mua một lô chứng chỉ quỹ. Giá phát hành bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng với phí phát hành (nếu có).

Giá hoán đổi lại là mức giá mà Quỹ phải thanh toán cho nhà đầu tư đặt lệnh hoán đổi lô chứng chỉ quỹ lấy chứng khoán cơ cấu. Giá hoán đổi lại bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi phí hoán đổi lại (nếu có).

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/(lỗ) chưa phân phối lũy kế tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện lũy kế và lợi nhuận chưa thực hiện lũy kế.

Lợi nhuận đã thực hiện trong kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ phát sinh trong kỳ.

Lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ là chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ phát sinh trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối".

Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho Nhà đầu tư

Để hạn chế tối đa chi phí phát sinh, Quỹ ETF KIM Growth VN30 sẽ không phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính
từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trên cơ sở dự trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào báo cáo thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được thiết lập.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán niêm yết

Lãi/lỗ từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch chứng khoán từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát.

3.8 *Chi phí*

Các khoản chi phí được hạch toán trong báo cáo thu nhập trên cơ sở dồn tích, không căn cứ vào thời điểm thực tế chi tiền.

Giá dịch vụ quản lý Quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ

Giá dịch vụ quản lý quỹ được trả cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý cho Quỹ. Giá dịch vụ quản lý quỹ là 0,55% NAV/năm. Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Giá dịch vụ lưu ký

Giá dịch vụ lưu ký tài sản bao gồm phí lưu ký tài sản phải trả cho Ngân hàng Lưu ký và phí lưu ký chứng khoán phải trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Giá dịch vụ lưu ký tài sản phải trả cho Ngân hàng Lưu ký là 0,06% NAV/năm không bao gồm VAT, với mức tối thiểu là 20.000.000 đồng một tháng. Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Giá dịch vụ lưu ký chứng khoán phải trả cho Trung tâm lưu ký chứng khoán theo quy định của Trung tâm lưu ký chứng khoán từng thời kỳ.

Giá dịch vụ giám sát

Giá dịch vụ giám sát Quỹ được trả cho Ngân hàng Giám sát để thực hiện dịch vụ giám sát hoạt động của Quỹ. Giá dịch vụ giám sát được tính là 0,02% NAV/năm (chưa bao gồm VAT), với mức tối thiểu là 5.000.000 đồng một tháng (chưa bao gồm VAT). Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Phí dịch vụ giao dịch chứng khoán

Phí giao dịch chứng khoán phải trả cho Ngân hàng Lưu ký là 0,03% giá trị giao dịch, tối thiểu là 100.000 VND/ngày giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính
từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí (tiếp theo)

Giá dịch vụ quản trị Quỹ

Giá dịch vụ quản trị quỹ được trả cho Ngân hàng Giám sát là 0,03% NAV/năm (chưa bao gồm VAT) với mức tối thiểu là 15.000.000 đồng mỗi tháng (chưa bao gồm VAT). Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán là đại lý chuyển nhượng cho Quỹ. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 5.000.000 VND một tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng này chưa bao gồm mức phí thực hiện quyền trả cho từng lần xác nhận danh sách người nắm giữ chứng chỉ quỹ niêm yết. Giá phí thực hiện quyền trả cho từng lần xác nhận danh sách người sở hữu chứng chỉ quỹ niêm yết này là 1.000.000 VND/lần khi danh sách tổng người sở hữu chứng khoán dưới 500 người, 2.000.000 VND/lần khi danh sách tổng người sở hữu chứng khoán có số lượng từ 500 người đến dưới 1.000 người, 3.000.000 VND/lần khi danh sách tổng người sở hữu chứng khoán có số lượng từ 1.000 người đến dưới 5.000 người, 4.000.000 VND/lần khi danh sách tổng người sở hữu chứng khoán có số lượng trên 5.000 người, mức giá này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng quý.

Giá dịch vụ cấp quyền sử dụng chỉ số tham chiếu

Giá dịch vụ sử dụng chỉ số tham chiếu là 0,05% NAV/năm với mức tối thiểu là 50.000.000 VND/năm (chưa bao gồm VAT) được trả cho Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") cho dịch vụ quản lý và vận hành Chỉ số VN30. Giá dịch vụ sử dụng chỉ số tham chiếu được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán sáu tháng một lần cho HOSE.

Giá dịch vụ tính toán giá trị tài sản ròng tham chiếu

Giá dịch vụ tính toán giá trị tài sản ròng tham chiếu là 0,05% NAV/năm với mức tối thiểu là 50.000.000 VND/năm (chưa bao gồm VAT). Giá dịch vụ tính toán giá trị tài sản ròng tham chiếu được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán sáu tháng một lần cho HOSE.

Thù lao Ban Đại diện Quỹ

Các chi phí của Ban Đại diện Quỹ sẽ được tính vào chi phí của Quỹ. Chi phí cũng có thể bao gồm các chi phí bảo hiểm trách nhiệm phát sinh đối với Ban Đại diện Quỹ liên quan đến việc thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ đối với Quỹ. Thù lao của các thành viên của Ban Đại diện Quỹ sẽ nằm trong mức ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Đại diện Quỹ đã được thông qua tại Đại hội Nhà đầu tư.

3.9 Thuế

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính
từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Thuế (tiếp theo)

a. Giao dịch trả cổ tức cho Nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 (“Thông tư 78”) được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 (“Thông tư 111”) được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 (“Thông tư 92”) do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Tổng Cục Thuế về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% số cổ tức được chi trả (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% số cổ tức được chi trả.

b. Giao dịch hoán đổi lại chứng chỉ Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai thuế đối với giao dịch hoán đổi lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo Thông tư 111 được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 92 và Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Mức thuế áp dụng là 0,1% trên giá trị chuyển nhượng. Công ty Quản lý Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước. Các nhà đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch hoán đổi lại này.

3.10 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ, những chức danh quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

3.11 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 181 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục không được thể hiện trong các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Ngày 31 tháng 12
năm 2022
VND

Tiền gửi tại Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho hoạt động của quỹ ETF	1.034.720.111
Tiền gửi tại đại lý phân phối	201.341
	1.034.921.452

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
 Quỹ ETF KIM Growth VN30

B06-ETF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính
 từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Giá trị mua theo số kế toán VND	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại VND
			Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm thuần VND	
Ngày 31 tháng 12 năm 2022					
Cổ phiếu niêm yết	488.930.333.162	402.666.279.750	-	(86.264.053.412)	402.666.279.750
	488.930.333.162	402.666.279.750	-	(86.264.053.412)	402.666.279.750
Ảnh hưởng từ chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư vào báo cáo thu nhập				(86.264.053.412)	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính
 từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022

6. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</i>
	<u>6.403.225</u>
Thuế thu nhập cá nhân - Thuế lao ban đại diện Quỹ	

7. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</i>
	<u>92.296.297</u>
Trích trước – Phí kiểm toán	71.296.297
Trích trước – Thuế lao Ban Đại Diện Quỹ	13.500.000
Trích trước – Phí quản lý thường niên trả Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	7.500.000

8. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ ETF

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</i>
	<u>404.521.543</u>
Trích trước – Phí quản lý Quỹ ETF	183.391.823
Trích trước – Phí dịch vụ cấp quyền sử dụng chỉ số trả HOSE	80.227.980
Trích trước – Phí dịch vụ tính toán giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV) trả HOSE	80.227.980
Trích trước – Phí dịch vụ lưu ký – bảo quản tài sản	20.338.088
Trích trước – Phí dịch vụ quản trị Quỹ ETF	16.500.000
Trích trước – Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	16.500.000
Trích trước - Phí dịch vụ giám sát	7.335.672

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính
 từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022

9. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Ngày 7 tháng 12 năm 2021 (Phát hành lần đầu) VND	Phát sinh trong kỳ VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Vốn góp phát hành			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	7.100.000	59.400.000	66.500.000
Giá trị ghi theo mệnh giá	71.000.000.000	594.000.000.000	665.000.000.000
Thặng dư vốn góp phát hành	-	(130.010.269.075)	(130.010.269.075)
Tổng giá trị phát hành Chứng chỉ Quỹ ETF	71.000.000.000	463.989.730.925	534.989.730.925
Vốn góp mua lại			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	-	(5.000.000)	(5.000.000)
Giá trị ghi theo mệnh giá	-	(50.000.000.000)	(50.000.000.000)
Thặng dư vốn góp hoán đổi lại	-	15.120.901.180	15.120.901.180
Tổng giá trị hoán đổi lại Chứng chỉ Quỹ ETF	-	(34.879.098.820)	(34.879.098.820)
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	7.100.000	54.400.000	61.500.000
Giá trị vốn góp hiện hành	71.000.000.000	429.110.632.105	500.110.632.105
Lợi nhuận chưa phân phối	-	(96.341.031.968)	(96.341.031.968)
Giá trị tài sản ròng hiện hành	71.000.000.000		403.769.600.137
Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ	10.000		6.565,35

10. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	Ngày 7 tháng 12 năm 2021 VND	Phát sinh trong kỳ VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Lợi nhuận đã thực hiện	-	(10.076.978.556)	(10.076.978.556)
Lợi nhuận chưa thực hiện	-	(86.264.053.412)	(86.264.053.412)
	-	(96.341.031.968)	(96.341.031.968)

11. CỔ TỨC ĐƯỢC CHIA VÀ TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN TỪ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

	Cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Cổ tức được chia	1.924.817.540
Cổ tức đã nhận	1.353.197.540
Dự thu cổ tức chưa đến ngày nhận	571.620.000
Tiền lãi được nhận	11.318.860
	1.936.136.400

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính
 từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022

12. LÃI/(LỖ) BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</i>
Lỗ bán các khoản đầu tư	(3.478.295.684)
Lỗ từ giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ	(6.478.321.154)
Lãi giao dịch chứng khoán hạn chế trong giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ	384.382.500
	<u>(9.572.234.338)</u>

Chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán của Quỹ trong năm kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

	<i>Tổng giá trị bán/ giá trị chứng khoán mua vào cho giao dịch hoán đổi VND</i>	<i>Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch/ giá trị hoán đổi VND</i>	<i>Lỗ bán chứng khoán cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</i>
Cổ phiếu niêm yết			
Lỗ bán các khoản đầu tư	33.655.720.000	37.134.015.684	(3.478.295.684)
Lỗ từ giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ	34.716.650.000	41.194.971.154	(6.478.321.154)
	<u>68.372.370.000</u>	<u>78.328.986.838</u>	<u>(9.956.616.838)</u>

13. CHI PHÍ GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</i>
Chi phí môi giới giao dịch mua các khoản đầu tư	54.221.514
Chi phí môi giới giao dịch bán các khoản đầu tư	50.483.582
	<u>104.705.096</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính
 từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022

14. PHÍ DỊCH VỤ LƯU KÝ TÀI KHOẢN ETF

*Cho kỳ kế toán từ ngày
 7 tháng 12 năm 2021
 (ngày thành lập) đến
 ngày 31 tháng 12 năm
 2022
 VND*

Phí dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	256.467.117
Phí dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	21.090.589
Phí dịch vụ lưu ký trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ("VSD")	15.361.886
	292.919.592

15. PHÍ DỊCH VỤ KHÁC CỦA NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CHO QUỸ ETF

*Cho kỳ kế toán từ ngày 7
 tháng 12 năm 2021 (ngày
 thành lập) đến ngày 31
 tháng 12 năm 2022
 VND*

Chi phí cung cấp dịch vụ tính chỉ số tham chiếu trả HOSE	102.914.448
Chi phí cấp quyền sử dụng chỉ số trả HOSE	102.914.448
	205.828.896

16. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

*Cho kỳ kế toán từ ngày 7
 tháng 12 năm 2021
 (ngày thành lập) đến
 ngày 31 tháng 12 năm
 2022
 VND*

Thù lao Ban đại diện quỹ	64.032.254
Chi phí quản lý niêm yết của HOSE	30.000.000
Chi phí thiết lập Quỹ	25.000.000
Phí thực hiện quyền trả VSD	22.200.000
Phí đăng ký niêm yết bổ sung trả VSD	11.500.000
Chi phí quản lý thường niên trả Ủy ban Chứng khoán	10.000.000
Chi phí ngân hàng	1.964.783
	164.697.037

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

B06-ETF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính
từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính		Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
				NAV VND	NAV/CCQ VND	
1	13/12/2021	70.817.221.406	7.100.000	9.974,25		
2	14/12/2021	70.661.290.482	7.100.000	9.952,29		(21,96)
3	15/12/2021	70.775.826.032	7.100.000	9.968,42		16,13
4	16/12/2021	70.336.964.996	7.100.000	9.906,61		(61,81)
5	19/12/2021	70.499.304.326	7.100.000	9.929,47		22,86
6	20/12/2021	70.476.684.236	7.100.000	9.926,29		(3,18)
7	21/12/2021	70.375.207.623	7.100.000	9.912,00		(14,29)
8	22/12/2021	70.060.313.055	7.100.000	9.867,64		(44,36)
9	23/12/2021	68.797.098.034	7.100.000	9.689,73		(177,91)
10	26/12/2021	70.137.495.571	7.100.000	9.878,52		188,79
11	27/12/2021	70.504.352.112	7.100.000	9.930,19		51,67
12	28/12/2021	70.893.859.884	7.100.000	9.985,05		54,86
13	29/12/2021	70.531.897.610	7.100.000	9.934,07		(50,98)
14	30/12/2021	70.702.427.266	7.100.000	9.958,08		24,01
15	31/12/2021	71.435.407.036	7.100.000	10.061,32		103,24
16	03/01/2022	71.427.341.401	7.100.000	10.060,18		(1,14)
17	04/01/2022	72.525.635.180	7.100.000	10.214,87		154,69
18	05/01/2022	71.930.165.632	7.100.000	10.131,00		(83,87)
19	06/01/2022	71.882.978.045	7.100.000	10.124,36		(6,64)
20	09/01/2022	71.289.987.606	7.100.000	10.040,84		(83,52)
21	10/01/2022	72.519.281.606	7.300.000	9.934,14		(106,70)
22	11/01/2022	71.797.068.469	7.300.000	9.835,21		(98,93)
23	12/01/2022	73.220.723.429	7.300.000	10.030,23		195,02
24	13/01/2022	83.028.159.003	8.300.000	10.003,39		(26,84)
25	16/01/2022	82.859.944.315	8.300.000	9.983,12		(20,27)
26	17/01/2022	80.440.939.426	8.300.000	9.691,67		(291,45)
27	18/01/2022	80.322.046.878	8.300.000	9.677,35		(14,32)
28	19/01/2022	80.629.706.294	8.300.000	9.714,42		37,07
29	20/01/2022	81.161.660.894	8.300.000	9.778,51		64,09
30	23/01/2022	81.636.140.381	8.300.000	9.835,67		57,16
31	24/01/2022	79.962.834.396	8.300.000	9.634,07		(201,60)
32	25/01/2022	82.311.686.309	8.300.000	9.917,07		283,00
33	26/01/2022	88.789.821.139	8.900.000	9.976,38		59,31
34	27/01/2022	88.293.273.325	8.900.000	9.920,59		(55,79)
35	31/01/2022	89.159.245.641	8.900.000	10.017,89		97,30
36	03/02/2022	89.148.480.291	8.900.000	10.016,68		(1,21)
37	06/02/2022	89.137.715.428	8.900.000	10.015,47		(1,21)
38	07/02/2022	89.656.583.437	8.900.000	10.073,77		58,30
39	08/02/2022	90.179.704.494	8.900.000	10.132,55		58,78
40	09/02/2022	90.284.625.670	8.900.000	10.144,33		11,78
41	10/02/2022	90.070.697.919	8.900.000	10.120,30		(24,03)
42	13/02/2022	89.881.786.168	8.900.000	10.099,07		(21,23)
43	14/02/2022	87.534.579.133	8.900.000	9.835,34		(263,73)
44	15/02/2022	88.817.817.842	8.900.000	9.979,53		144,19

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
 Quỹ ETF KIM Growth VN30

B06-ETF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính
 từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
45	16/02/2022	88.469.999.012	8.900.000	9.940,44	(39,09)
46	17/02/2022	89.566.892.353	8.900.000	10.063,69	123,25
47	20/02/2022	89.036.395.221	8.900.000	10.004,08	(59,61)
48	21/02/2022	90.146.450.456	9.000.000	10.016,27	12,19
49	22/02/2022	90.077.609.451	9.000.000	10.008,62	(7,65)
50	23/02/2022	90.456.761.283	9.000.000	10.050,75	42,13
51	24/02/2022	94.446.013.687	9.500.000	9.941,68	(109,07)
52	27/02/2022	94.709.342.595	9.500.000	9.969,40	27,72
53	28/02/2022	99.095.469.285	10.000.000	9.909,54	(59,86)
54	01/03/2022	99.281.241.546	10.000.000	9.928,12	18,58
55	02/03/2022	97.896.480.224	10.000.000	9.789,64	(138,48)
56	03/03/2022	99.441.842.115	10.000.000	9.944,18	154,54
57	06/03/2022	99.594.878.832	10.000.000	9.959,48	15,30
58	07/03/2022	98.548.297.088	10.000.000	9.854,82	(104,66)
59	08/03/2022	97.304.973.229	10.000.000	9.730,49	(124,33)
60	09/03/2022	97.247.196.391	10.000.000	9.724,71	(5,78)
61	10/03/2022	97.316.680.456	10.000.000	9.731,66	6,95
62	13/03/2022	96.450.951.902	10.000.000	9.645,09	(86,57)
63	14/03/2022	95.410.885.835	10.000.000	9.541,08	(104,01)
64	15/03/2022	95.895.921.442	10.000.000	9.589,59	48,51
65	16/03/2022	96.149.412.196	10.000.000	9.614,94	25,35
66	17/03/2022	95.954.110.893	10.000.000	9.595,41	(19,53)
67	20/03/2022	96.403.611.630	10.000.000	9.640,36	44,95
68	21/03/2022	98.074.972.118	10.000.000	9.807,49	167,13
69	22/03/2022	98.767.604.369	10.000.000	9.876,76	69,27
70	23/03/2022	98.254.775.898	10.000.000	9.825,47	(51,29)
71	24/03/2022	97.715.444.254	10.000.000	9.771,54	(53,93)
72	27/03/2022	97.759.288.354	10.000.000	9.775,92	4,38
73	28/03/2022	96.832.339.170	10.000.000	9.683,23	(92,69)
74	29/03/2022	97.896.940.891	10.000.000	9.789,69	106,46
75	30/03/2022	97.864.171.306	10.000.000	9.786,41	(3,28)
76	31/03/2022	98.402.893.426	10.000.000	9.840,28	53,87
77	03/04/2022	100.588.947.723	10.000.000	10.058,89	218,61
78	04/04/2022	100.956.367.906	10.000.000	10.095,63	36,74
79	05/04/2022	100.376.802.511	10.000.000	10.037,68	(57,95)
80	06/04/2022	101.531.809.197	10.000.000	10.153,18	115,50
81	07/04/2022	100.536.388.361	10.000.000	10.053,63	(99,55)
82	11/04/2022	99.378.118.919	10.000.000	9.937,81	(115,82)
83	12/04/2022	98.257.852.096	10.000.000	9.825,78	(112,03)
84	13/04/2022	99.431.951.581	10.000.000	9.943,19	117,41
85	14/04/2022	108.841.981.884	11.000.000	9.894,72	(48,47)
86	17/04/2022	107.110.829.560	11.000.000	9.737,34	(157,38)
87	18/04/2022	105.278.973.665	11.000.000	9.570,81	(166,53)
88	19/04/2022	103.310.333.529	11.000.000	9.391,84	(178,97)
89	20/04/2022	102.930.119.662	11.000.000	9.357,28	(34,56)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

B06-ETF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính
từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
90	21/04/2022	102.300.442.960	11.000.000	9.300,04	(57,24)
91	24/04/2022	103.563.440.088	11.000.000	9.414,85	114,81
92	25/04/2022	97.988.002.481	11.000.000	8.908,00	(506,85)
93	26/04/2022	100.188.024.995	11.000.000	9.108,00	200,00
94	27/04/2022	100.554.434.687	11.000.000	9.141,31	33,31
95	28/04/2022	100.456.233.777	11.000.000	9.132,38	(8,93)
96	30/04/2022	101.602.575.842	11.000.000	9.236,59	104,21
97	03/05/2022	101.591.779.174	11.000.000	9.235,61	(0,98)
98	04/05/2022	99.615.231.952	11.000.000	9.055,93	(179,68)
99	05/05/2022	100.644.345.399	11.000.000	9.149,48	93,55
100	08/05/2022	98.394.107.194	11.000.000	8.944,91	(204,57)
101	09/05/2022	94.157.127.069	11.000.000	8.559,73	(385,18)
102	10/05/2022	96.400.688.036	11.000.000	8.763,69	203,96
103	11/05/2022	96.709.495.450	11.000.000	8.791,77	28,08
104	12/05/2022	91.672.166.374	11.000.000	8.333,83	(457,94)
105	15/05/2022	87.650.828.302	11.000.000	7.968,25	(365,58)
106	16/05/2022	87.026.658.956	11.000.000	7.911,51	(56,74)
107	17/05/2022	91.637.406.800	11.000.000	8.330,67	419,16
108	18/05/2022	92.128.334.046	11.000.000	8.375,30	44,63
109	19/05/2022	91.922.337.646	11.000.000	8.356,57	(18,73)
110	22/05/2022	91.837.674.397	11.000.000	8.348,87	(7,70)
111	23/05/2022	89.888.170.400	11.000.000	8.171,65	(177,22)
112	24/05/2022	91.128.644.760	11.000.000	8.284,42	112,77
113	25/05/2022	93.844.175.051	11.000.000	8.531,28	246,86
114	26/05/2022	93.753.937.688	11.000.000	8.523,08	(8,20)
115	29/05/2022	95.617.052.483	11.000.000	8.692,45	169,37
116	30/05/2022	96.127.188.972	11.000.000	8.738,83	46,38
117	31/05/2022	95.570.461.877	11.000.000	8.688,22	(50,61)
118	01/06/2022	95.774.883.044	11.000.000	8.706,80	18,58
119	02/06/2022	95.053.506.956	11.000.000	8.641,22	(65,58)
120	05/06/2022	95.179.864.054	11.000.000	8.652,71	11,49
121	06/06/2022	95.151.312.942	11.000.000	8.650,11	(2,60)
122	07/06/2022	94.995.942.971	11.000.000	8.635,99	(14,12)
123	08/06/2022	96.257.666.038	11.000.000	8.750,69	114,70
124	09/06/2022	96.317.735.150	11.000.000	8.756,15	5,46
125	12/06/2022	95.071.300.806	11.000.000	8.642,84	(113,31)
126	13/06/2022	90.479.168.398	11.000.000	8.225,37	(417,47)
127	14/06/2022	90.496.370.230	11.000.000	8.226,94	1,57
128	15/06/2022	89.912.442.313	11.000.000	8.173,85	(53,09)
129	16/06/2022	91.862.090.216	11.000.000	8.351,09	177,24
130	19/06/2022	90.345.487.264	11.000.000	8.213,22	(137,87)
131	20/06/2022	88.014.366.847	11.000.000	8.001,30	(211,92)
132	21/06/2022	87.937.465.239	11.000.000	7.994,31	(6,99)
133	22/06/2022	88.179.703.730	11.000.000	8.016,33	22,02
134	23/06/2022	89.153.036.505	11.000.000	8.104,82	88,49
135	26/06/2022	121.030.940.488	15.000.000	8.068,72	(36,10)
136	27/06/2022	123.069.708.669	15.000.000	8.204,64	135,92
137	28/06/2022	124.692.344.677	15.000.000	8.312,82	108,18
138	29/06/2022	124.683.730.960	15.000.000	8.312,24	(36,10)
139	30/06/2022	122.288.672.406	15.000.000	8.152,57	(159,67)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính
 từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
140	03/07/2022	122.596.424.924	15.000.000	8.173,09	20,52
141	04/07/2022	122.288.133.614	15.000.000	8.152,54	(20,55)
142	05/07/2022	154.117.099.887	19.000.000	8.111,42	(41,12)
143	06/07/2022	150.649.891.428	19.000.000	7.928,94	(182,48)
144	07/07/2022	152.788.655.649	19.000.000	8.041,50	112,56
145	10/07/2022	153.063.351.253	19.000.000	8.055,96	14,46
146	11/07/2022	150.262.192.266	19.000.000	7.908,53	(147,43)
147	12/07/2022	151.551.171.198	19.000.000	7.976,37	67,84
148	13/07/2022	151.234.559.495	19.000.000	7.959,71	(16,66)
149	14/07/2022	151.854.005.910	19.000.000	7.992,31	32,60
150	17/07/2022	207.476.591.192	26.000.000	7.979,86	(12,45)
151	18/07/2022	206.462.913.710	26.000.000	7.940,88	(38,98)
152	19/07/2022	206.023.776.541	26.000.000	7.923,99	(16,89)
153	20/07/2022	208.374.756.804	26.000.000	8.014,41	90,42
154	21/07/2022	210.004.324.648	26.000.000	8.077,08	62,67
155	24/07/2022	208.900.207.520	26.000.000	8.034,62	(42,46)
156	25/07/2022	207.838.919.725	26.000.000	7.993,80	(40,82)
157	26/07/2022	223.071.968.479	28.000.000	7.966,85	(26,95)
158	27/07/2022	263.118.441.739	33.000.000	7.973,28	6,43
159	28/07/2022	266.701.935.792	33.000.000	8.081,87	108,59
160	31/07/2022	265.778.335.890	33.000.000	8.053,88	(27,99)
161	01/08/2022	270.871.557.718	33.000.000	8.208,22	154,34
162	02/08/2022	272.884.122.015	33.000.000	8.269,21	60,99
163	03/08/2022	273.859.827.073	33.000.000	8.298,78	29,57
164	04/08/2022	275.560.640.204	33.000.000	8.350,32	51,54
165	07/08/2022	274.328.423.960	33.000.000	8.312,98	(37,34)
166	08/08/2022	275.322.025.291	33.000.000	8.343,09	30,11
167	09/08/2022	276.336.745.501	33.000.000	8.373,84	30,75
168	10/08/2022	275.404.389.243	33.000.000	8.345,58	(28,26)
169	11/08/2022	274.357.122.808	33.000.000	8.313,85	(31,73)
170	14/08/2022	276.194.849.345	33.000.000	8.369,54	55,69
171	15/08/2022	278.950.555.356	33.000.000	8.453,04	83,50
172	16/08/2022	279.222.014.108	33.000.000	8.461,27	8,23
173	17/08/2022	280.350.155.084	33.000.000	8.495,45	34,18
174	18/08/2022	314.217.090.290	37.000.000	8.492,35	(3,10)
175	21/08/2022	312.996.947.907	37.000.000	8.459,37	(32,98)
176	22/08/2022	310.722.161.801	37.000.000	8.397,89	(61,48)
177	23/08/2022	312.299.271.806	37.000.000	8.440,52	42,63
178	24/08/2022	313.586.771.259	37.000.000	8.475,31	34,79
179	25/08/2022	317.219.962.918	37.000.000	8.573,51	98,20
180	28/08/2022	341.678.440.618	40.000.000	8.541,96	(31,55)
181	29/08/2022	338.130.366.749	40.000.000	8.453,25	(88,71)
182	30/08/2022	339.388.285.561	40.000.000	8.484,70	31,45
183	31/08/2022	340.239.363.982	40.000.000	8.505,98	21,28
184	01/09/2022	340.230.409.350	40.000.000	8.505,76	(0,22)
185	04/09/2022	340.203.546.114	40.000.000	8.505,08	(0,68)
186	05/09/2022	339.337.290.325	40.000.000	8.483,43	(21,65)
187	06/09/2022	339.567.709.644	40.000.000	8.489,19	5,76
188	07/09/2022	331.699.260.830	40.000.000	8.292,48	(196,71)
189	08/09/2022	330.816.665.616	40.000.000	8.270,41	(22,07)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

B06-ETF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính
từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
190	11/09/2022	333.414.754.996	40.000.000	8.335,36	64,95
191	12/09/2022	333.403.217.210	40.000.000	8.335,08	(0,28)
192	13/09/2022	332.576.237.778	40.000.000	8.314,40	(20,68)
193	14/09/2022	346.011.849.061	42.000.000	8.238,37	(76,03)
194	15/09/2022	346.519.905.707	42.000.000	8.250,47	12,10
195	18/09/2022	343.754.726.819	42.000.000	8.184,63	(65,84)
196	19/09/2022	337.479.282.438	42.000.000	8.035,22	(149,41)
197	20/09/2022	356.752.784.657	44.000.000	8.108,01	72,79
198	21/09/2022	353.057.283.474	44.000.000	8.024,02	(83,99)
199	22/09/2022	353.254.814.945	44.000.000	8.028,51	4,49
200	25/09/2022	349.351.753.301	44.000.000	7.939,81	(88,70)
201	26/09/2022	341.258.586.608	44.000.000	7.755,87	(183,94)
202	27/09/2022	339.878.224.159	44.000.000	7.724,50	(31,37)
203	28/09/2022	341.206.030.173	45.000.000	7.582,35	(142,15)
204	29/09/2022	337.325.904.378	45.000.000	7.496,13	(86,22)
205	30/09/2022	338.659.428.593	45.000.000	7.525,76	29,63
206	02/10/2022	338.641.678.636	45.000.000	7.525,37	(0,39)
207	03/10/2022	323.973.630.453	45.000.000	7.199,41	(325,96)
208	04/10/2022	322.720.963.233	45.000.000	7.171,57	(27,84)
209	05/10/2022	364.981.771.987	50.000.000	7.299,63	128,06
210	06/10/2022	363.802.823.218	51.500.000	7.064,13	(235,50)
211	09/10/2022	349.738.574.314	51.500.000	6.791,04	(273,09)
212	10/10/2022	349.540.958.739	51.500.000	6.787,20	(3,84)
213	11/10/2022	337.034.316.541	51.500.000	6.544,35	(242,85)
214	12/10/2022	348.208.087.719	51.500.000	6.761,32	216,97
215	13/10/2022	367.402.107.481	53.500.000	6.867,32	106,00
216	16/10/2022	370.913.574.281	53.500.000	6.932,96	65,64
217	17/10/2022	379.643.770.308	55.500.000	6.840,42	(92,54)
218	18/10/2022	383.928.050.286	55.500.000	6.917,62	77,20
219	19/10/2022	381.969.393.775	55.500.000	6.882,33	(35,29)
220	20/10/2022	381.822.369.821	55.500.000	6.879,68	(2,65)
221	23/10/2022	366.352.457.096	55.500.000	6.600,94	(278,74)
222	24/10/2022	353.058.141.228	55.500.000	6.361,40	(239,54)
223	25/10/2022	333.550.132.799	51.500.000	6.476,70	115,30
224	26/10/2022	333.169.401.883	51.500.000	6.469,30	(7,40)
225	27/10/2022	345.962.856.649	51.500.000	6.717,72	248,42
226	30/10/2022	346.271.134.035	51.500.000	6.723,71	5,99
227	31/10/2022	345.377.342.964	51.500.000	6.706,35	(17,36)
228	01/11/2022	349.141.628.464	51.500.000	6.779,44	73,09
229	02/11/2022	344.783.144.610	51.500.000	6.694,81	(84,63)
230	03/11/2022	344.310.530.556	51.500.000	6.685,64	(9,17)
231	06/11/2022	335.582.543.875	51.500.000	6.516,16	(169,48)
232	07/11/2022	327.356.695.263	51.500.000	6.356,44	(159,72)
233	08/11/2022	329.675.550.821	51.500.000	6.401,46	45,02
234	09/11/2022	329.454.916.839	51.500.000	6.397,18	(4,28)
235	10/11/2022	315.058.107.652	51.500.000	6.117,63	(279,55)
236	13/11/2022	319.087.916.708	51.500.000	6.195,88	78,25
237	14/11/2022	314.878.223.341	51.500.000	6.114,14	(81,74)
238	15/11/2022	304.289.523.959	51.500.000	5.908,53	(205,61)
239	16/11/2022	316.191.691.110	51.500.000	6.139,64	231,11

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
 Quỹ ETF KIM Growth VN30

B06-ETF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính
 từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
				tại ngày tính NAV VND	
240	17/11/2022	326.513.855.916	51.500.000	6.340,07	200,43
241	20/11/2022	345.539.116.406	54.500.000	6.340,16	0,09
242	21/11/2022	340.454.399.080	54.500.000	6.246,86	(93,30)
243	22/11/2022	336.411.997.798	54.500.000	6.172,69	(74,17)
244	23/11/2022	333.984.837.354	54.500.000	6.128,16	(44,53)
245	24/11/2022	334.697.778.385	54.500.000	6.141,24	13,08
246	27/11/2022	344.243.340.547	54.500.000	6.316,39	175,15
247	28/11/2022	357.323.328.051	54.500.000	6.556,39	240,00
248	29/11/2022	366.082.941.140	54.500.000	6.717,11	160,72
249	30/11/2022	373.236.380.697	54.500.000	6.848,37	131,26
250	01/12/2022	370.894.661.087	54.500.000	6.805,40	(42,97)
251	04/12/2022	388.743.910.901	54.500.000	7.132,91	327,51
252	05/12/2022	395.108.346.739	54.500.000	7.249,69	116,78
253	06/12/2022	374.900.870.368	54.500.000	6.878,91	(370,78)
254	07/12/2022	372.596.912.416	54.500.000	6.836,64	(42,27)
255	08/12/2022	377.960.558.013	54.500.000	6.935,05	98,41
256	11/12/2022	378.755.989.483	54.500.000	6.949,65	14,60
257	12/12/2022	368.918.073.714	54.500.000	6.769,13	(180,52)
258	13/12/2022	375.652.560.642	54.500.000	6.892,70	123,57
259	14/12/2022	375.551.496.643	54.500.000	6.890,85	(1,85)
260	15/12/2022	379.773.201.368	54.500.000	6.968,31	77,46
261	18/12/2022	392.197.868.127	56.500.000	6.941,55	(26,76)
262	19/12/2022	387.087.192.797	56.500.000	6.851,10	(90,45)
263	20/12/2022	413.242.785.695	61.500.000	6.719,39	(131,71)
264	21/12/2022	414.550.684.884	61.500.000	6.740,66	21,27
265	22/12/2022	417.127.896.116	61.500.000	6.782,56	41,90
266	25/12/2022	415.416.042.090	61.500.000	6.754,73	(27,83)
267	26/12/2022	396.840.853.032	61.500.000	6.452,69	(302,04)
268	27/12/2022	404.661.545.628	61.500.000	6.579,86	127,17
269	28/12/2022	407.291.369.184	61.500.000	6.622,62	42,76
270	29/12/2022	405.027.925.081	61.500.000	6.585,81	(36,81)
271	31/12/2022	403.769.600.137	61.500.000	6.565,35	(20,46)

Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (VND) 198.259.315.805

Biến động Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ ETF

- Mức cao nhất trong năm (VND)	506,85
- Mức thấp nhất trong năm (VND)	0,09

18. SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH

Chi tiết theo thời gian có thể mua lại chứng chỉ quỹ:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 Chứng chỉ quỹ
Đến một năm	61.500.000

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

B06-ETF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính
từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022

19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC

19.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Các bên được xem như là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng trọng yếu đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh.

Công ty Quản lý Quỹ và Ban Đại diện Quỹ

Các giao dịch trọng yếu trong năm như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Các giao dịch	Phải thu/(Phải trả)				
			Ngày 7 tháng 12 năm 2021 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	
Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam	Công ty Quản lý Quỹ	Phí quản lý Quỹ	-	(1.165.119.485)	981.727.662	(183.391.823)	1.165.119.485
Ban Đại diện Quỹ	Quản lý Quỹ	Thù lao Ban Đại diện Quỹ	-	(64.032.254)	44.129.029	(19.903.225)	64.032.254

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

B06-ETF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính
từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022

19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

19.2 Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng Giám sát

Theo hợp đồng giám sát và lưu ký ký với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam ("Ngân hàng Giám sát"), Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giám sát là 0,02% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 5.000.000 VND một tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, và giá dịch vụ lưu ký là 0,06% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 20.000.000 VND một tháng.

Ngân hàng Giám sát cũng đồng thời là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,03% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 15.000.000 VND một tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Các giao dịch trọng yếu trong năm như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Các giao dịch	Phải thu/(Phải trả)			
			Ngày 7 tháng 12 năm 2022	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
			VND	VND	VND	Chi phí VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Ngân hàng Giám sát	Tiền gửi thanh toán Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán Phải trả dịch vụ giám sát Phải trả dịch vụ quản trị quỹ	-	272.113.065.725 (271.078.144.273)	1.034.921.452	-
			-	(256.467.117)	(20.338.088)	256.467.117
			-	(21.090.589)	21.090.589	-
			-	(74.902.084)	67.566.412	74.902.084
			-	(211.306.451)	194.806.451	211.306.451

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính
từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022

20. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Cho kỳ kế toán từ
ngày 7 tháng 12
năm 2021 (ngày
thành lập) đến ngày
31 tháng 12 năm
2022
(%)

Tỷ lệ chi phí hoạt động trong kỳ	1,23
Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ	17,70

20.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ đánh giá chi phí hoạt động của Quỹ ETF tính cho một đơn vị giá trị tài sản ròng. Cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, tỷ lệ này được tính toán trên cơ sở hoạt động tròn năm bằng cách nhân tỷ lệ chi phí hoạt động với tỷ trọng thời gian hoạt động thực tế của Quỹ trong 1 năm.

Tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} * 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

Những chi phí không được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ khi tính chỉ tiêu tỷ lệ chi phí hoạt động bao gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái (bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp trong năm (thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả thuế nhà thầu;
- Chi phí hoán đổi, chi phí bán chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc hoán đổi, bán chứng chỉ quỹ; và
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho nhà đầu tư.

20.2 Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ ETF trong một (1) năm. Cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, tỷ lệ này được tính toán trên cơ sở hoạt động tròn năm bằng cách nhân tỷ lệ chi phí hoạt động với tỷ trọng thời gian hoạt động thực tế của Quỹ trong 1 năm.

Tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị hoán đổi trong năm} + \text{Tổng giá trị bán trong năm})/2 * 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính
từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022

21. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Quỹ. Nợ phải trả tài chính của Quỹ chủ yếu bao gồm các khoản phải trả Công ty Quản lý Quỹ, phải trả nhà cung cấp dịch vụ, phải trả cho Nhà đầu tư và phải trả dịch vụ quản lý Quỹ. Quỹ không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty Quản lý Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quỹ để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản chứng khoán đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng của Quỹ. Tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do danh mục đầu tư của Quỹ là các khoản tiền gửi thanh toán, có rủi ro lãi suất thấp tại ngày lập báo cáo tài chính.

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quỹ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính của Quỹ là VND. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quỹ là không có do Quỹ không nắm giữ tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính
từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022

21. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro về giá cổ phiếu niêm yết

Các cổ phiếu đã niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Công ty Quản lý Quỹ xem xét các quyết định đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Quỹ là 402.666.279.750 đồng Việt Nam. Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động đầu tư của Quỹ sẽ giảm 40.266.627.975 đồng Việt Nam, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, kết quả hoạt động đầu tư của Quỹ sẽ tăng lên 40.266.627.975 đồng Việt Nam.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

Công ty Quản lý Quỹ đánh giá rằng rủi ro tín dụng của Quỹ ở mức thấp vì Quỹ duy trì số dư tiền gửi tại các Ngân hàng có uy tín hoạt động tại Việt Nam đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt. Các khoản phải thu là dự thu cổ tức tại thời điểm cuối kỳ kế toán có thời hạn thanh toán ngắn, các bên đối tác có chỉ số tín dụng ở mức an toàn.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên đánh giá các yêu cầu về thanh khoản, phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền gửi ngân hàng ở mức mà Ban Đại diện cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính
 từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022

21. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Quỹ dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng:

	<i>Bất kỳ lúc nào VND</i>	<i>Dưới 3 tháng VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Tài sản			
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ ETF	1.034.921.452	-	1.034.921.452
Các khoản đầu tư	-	402.666.279.750	402.666.279.750
Các khoản phải thu	-	571.620.000	571.620.000
Tổng tài sản	1.034.921.452	403.237.899.750	404.272.821.202
Nợ phải trả			
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	-	6.403.225	6.403.225
Chi phí phải trả	-	92.296.297	92.296.297
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	-	404.521.543	404.521.543
Tổng nợ phải trả	-	503.221.065	503.221.065
Mức chênh thanh khoản ròng	1.034.921.452	402.734.678.685	403.769.600.137

Quỹ cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Quỹ có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để thực hiện các nghĩa vụ hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính
từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022

22. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ tại thời điểm cuối kỳ:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Giá trị ghi sổ VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ
Tài sản tài chính		
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	1.034.921.452	1.034.921.452
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ ETF	1.034.720.111	1.034.720.111
- Tiền gửi tại đại lý phân phối	201.341	201.341
Các khoản đầu tư thuần	402.666.279.750	402.666.279.750
- Cổ phiếu niêm yết	402.666.279.750	402.666.279.750
Các khoản phải thu	571.620.000	571.620.000
	404.272.821.202	404.272.821.202
Nợ phải trả tài chính		
Chi phí phải trả	92.296.297	(*)
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	404.521.543	(*)
	496.817.840	

(*) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này không xác định được vì Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán các quỹ hoán đổi danh mục và các quy định của Bộ Tài chính chưa hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, chi phí phải trả, phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh 3.3*.

23. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ.

Người lập:

Ông Trần Phước Duy
Quản trị Quỹ

Người phê duyệt:

Bà Nguyễn Trần Thùy
Trang
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Yun Hang Jin
Chủ tịch Hội đồng thành viên

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2023

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

**BÁO CÁO GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ HOÁN ĐỔI DANH MỤC
QUỸ ETF KIM GROWTH VN30 NĂM 2022**

Kính gửi: - Đại hội Nhà Đầu tư Quỹ ETF KIM GROWTH VN30
- Ban Đại Diện Quỹ (“BDD Quỹ”)
- Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam xin báo cáo đến Đại hội Nhà đầu tư về việc cung cấp dịch vụ lưu ký và giám sát đối với Quỹ như sau:

1. Tóm tắt các thông tin chung về Quỹ

Tên quỹ : Quỹ ETF KIM GROWTH VN30
Tên viết tắt : KIM VN30 ETF
Giấy CNĐK số : 52/GCN-UBCK cấp ngày 07/12/2021
Trụ sở chính : Phòng 1807 - 1808, Tầng 18 Tòa nhà mPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Dựa theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Quỹ cho kỳ kế toán từ ngày 07 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 (“kỳ kế toán”), tình hình biến động vốn của Quỹ trong giai đoạn trên như sau:

	Ngày 7 tháng 12 năm 2021 (Phát hành lần đầu) VND	Phát sinh trong kỳ VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Vốn góp phát hành			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	7.100.000	59.400.000	66.500.000
Giá trị ghi theo mệnh giá	71.000.000.000	594.000.000.000	665.000.000.000
Thặng dư vốn góp phát hành	-	(130.010.269.075)	(130.010.269.075)
Tổng giá trị phát hành Chứng chỉ Quỹ ETF	71.000.000.000	463.989.730.925	534.989.730.925
Vốn góp mua lại			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	-	(5.000.000)	(5.000.000)
Giá trị ghi theo mệnh giá	-	(50.000.000.000)	(50.000.000.000)
Thặng dư vốn góp hoán đổi lại	-	15.120.901.180	15.120.901.180
Tổng giá trị hoán đổi lại Chứng chỉ Quỹ ETF	-	(34.879.098.820)	(34.879.098.820)
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện	7.100.000	54.400.000	61.500.000

Giá trị vốn góp hiện hành	<u>71.000.000.000</u>	<u>429.110.632.105</u>	<u>500.110.632.105</u>
Lợi nhuận chưa phân phối	-	(96.341.031.968)	(96.341.031.968)
Giá trị tài sản ròng hiện hành	<u>71.000.000.000</u>		<u>403.769.600.137</u>
Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ	<u>10.000</u>		<u>6.565,35</u>

(Về chi tiết các thông tin tài chính của Quỹ xin vui lòng tham khảo trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán)

2. Báo cáo về việc giám sát hoạt động quản lý Quỹ của Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam (“Công ty Quản lý quỹ”) đối với Quỹ ETF KIM GROWTH VN30 (“KIM VN30 ETF”)

Từ ngày 07 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty Quản lý quỹ đã thực hiện việc lập báo cáo định kỳ theo đúng quy định, cung cấp đầy đủ các chứng từ liên quan đến các giao dịch tài sản mà Quỹ đã thực hiện cho Ngân hàng giám sát (“NHGS”).

Trong quá trình thực hiện các quyền và nghĩa vụ của NHGS đối với Quỹ ETF KIM GROWTH VN30, Ngân hàng ghi nhận một số nội dung sau:

2.1. Cuộc họp của Ban đại diện theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ

Trong năm 2022, Quỹ ETF KIM GROWTH VN30 đã tổ chức các cuộc họp của Ban Đại Diện Quỹ, theo đó Ban Đại Diện Quỹ đã thông qua các nội dung sau:

- (i) Các nội dung được thông qua tại các cuộc họp định kỳ hàng quý:
 - Báo cáo tổng kết tình hình hoạt động của Quỹ trong từng quý (Quý 1,2,3,4/2022);
 - Báo cáo tổng kết mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ trong từng quý (Quý 1,2,3,4/2022);
- (ii) Các nội dung khác được thông qua tại các cuộc họp bất thường:

<u>Cuộc họp</u>	<u>Nội dung</u>
- Cuộc họp bất thường ngày 07/01/2022	- Phê duyệt Sổ tay định giá.



- Cuộc họp bất thường ngày 10/3/2022 - Phê duyệt kế hoạch họp Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên năm tài chính 2021.
- Cuộc họp bất thường ngày 30/6/2022 - Phê duyệt lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và năm cho Quỹ.

2.2. Hoạt động đầu tư và giao dịch tài sản của quỹ

Xin vui lòng xem chi tiết hoạt động đầu tư và giao dịch tài sản của quỹ đã được đề cập trong “Báo cáo của Ngân hàng giám sát” được đính kèm Báo cáo tài chính được kiểm toán cho kỳ kế toán từ ngày 07 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Quỹ ETF KIM VN30.

3. Báo cáo về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát, Lưu ký

Với tư cách là Ngân hàng giám sát của Quỹ ETF KIM GROWTH VN30, Ngân hàng đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ trong việc cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký chứng khoán, dịch vụ quản lý tài sản của Quỹ ETF KIM GROWTH VN30, thể hiện trong một số nội dung như sau:

- Thực hiện việc lưu ký các tài sản của Quỹ an toàn, đồng thời quản lý tách biệt tài sản Quỹ với những tài sản của công ty quản lý, những tài sản của các quỹ khác của cùng một công ty quản lý quỹ, những tài sản của những khách hàng khác của Ngân hàng giám sát và những tài sản của Ngân hàng giám sát.
- Việc chuyển giao tài sản của quỹ trong hoạt động đầu tư, thoái vốn đầu tư chỉ được thực hiện theo chỉ thị bằng văn bản của công ty quản lý quỹ theo đúng quy định tại hợp đồng lưu ký, hợp đồng giám sát.
- Việc thanh toán các giao dịch chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch phải tuân thủ các nguyên tắc giao dịch chứng khoán đồng thời với thanh toán tiền và các nguyên tắc bù trừ, thanh toán theo quy định của pháp luật. Việc thanh toán các giao dịch tài sản khác thì phải thực hiện theo lệnh, chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ và các quy định pháp luật khác nếu có liên quan. Mọi giao dịch chuyển khoản, thanh toán tiền, chuyển giao tài sản đều phải thực hiện đúng đến các đối tác giao dịch của quỹ, các tài



khoản của quỹ. Giá trị thanh toán phải phù hợp với khối lượng tài sản, giá giao dịch và đúng với số tiền ghi trong các chứng từ thanh toán.

- Thực hiện đúng, đầy đủ và kịp thời, theo lệnh, chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ; thực thi đầy đủ, kịp thời các quyền và nghĩa vụ liên quan đến quyền sở hữu tài sản của quỹ.
- Xác nhận các báo cáo về tài sản của quỹ do công ty quản lý quỹ lập, bảo đảm khối lượng tài sản trong báo cáo là đúng, đầy đủ, chính xác với thực trạng tài sản lưu ký tại ngân hàng.
- Tham gia và cung cấp đầy đủ các thông tin tại các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư, các cuộc họp Ban đại diện quỹ nhưng không có quyền biểu quyết.
- Thực hiện báo cáo và lưu trữ hồ sơ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và hợp đồng giám sát.
- Thực hiện giám sát hoạt động của Công ty quản lý Quỹ trong việc quản lý tài sản Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.

Báo Cáo Giám Sát hoạt động của Quỹ hoán đổi danh mục được dựa trên các thông tin, tài liệu và dữ liệu được cung cấp bởi Công ty Quản lý Quỹ. Báo cáo này không bao gồm các vấn đề và các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của Ngân hàng giám sát do các thông tin bị che dấu hoặc được cung cấp không chính xác bởi Công ty Quản lý Quỹ.

Đại diện Ngân hàng giám sát ✪



Võ Trí Thanh

Trưởng Trung tâm Dịch vụ Khách hàng